

Số: 3389 /TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 024.39714512;

Email: qlclnifc@gmail.com;

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa học** (Phụ lục danh mục sản phẩm, hàng hóa kèm theo).

2. Số đăng ký: 111/TN – TĐC.

3. Giấy chứng nhận này cấp lần 16 (mười sáu) và có hiệu lực đến ngày 13/11/2022.

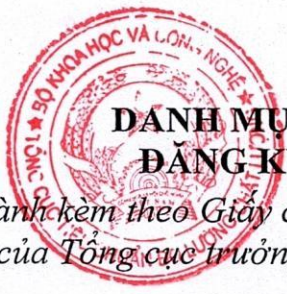
Nơi nhận:

- Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 3389/TĐC - HCHQ ngày 17/11/2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
1.	Malt	Xác định độ ẩm Phương pháp khối lượng	TCVN 10788:2015
2.	Thực phẩm	Định danh và định lượng phẩm màu thực phẩm bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	NIFC.02.M.26
3.	Sữa ong chúa	Xác định độ ẩm	TCVN 12606:2019 ISO 12824:2016
4.	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, thức ăn chăn nuôi	Xác định hàm lượng thủy ngân Phương pháp phân tích thủy ngân trực tiếp (DMA-80)	NIFC.03.M.03
5.	Thuốc bảo vệ thực vật	Xác định hàm lượng Acephate. Phương pháp HPLC	NIFC.04.M.200
6.		Xác định hàm lượng Acetamiprid Phương pháp HPLC	NIFC.04.M.199
7.		Xác định hàm lượng Chlorpyrifos Phương pháp GC	NIFC.04.M.202
8.		Xác định hàm lượng Imidacloprid Phương pháp HPLC	NIFC.04.M.201
9.		Xác định hàm lượng Lambda- Cyhalothrin Phương pháp GC	NIFC.04.M.204
10.		Xác định hàm lượng Permethrin Phương pháp GC	NIFC.04.M.203



ky

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tên phép thử	Phương pháp thử
11.	Nước ăn uống, nước sinh hoạt	Xác định Epichlorohydrin Phương pháp GC	NIFC.04.M.328
12.		Xác định độ màu	TCVN 6185:2015
13.		Phân tích hàm lượng các hợp chất dễ bay hơi trong nước (monochloroacetic acid, bromochloroacetic acid, dibromoacetic acid, dicloroacetic acid, monobromoacetic acid, trichloroacetic acid). Phương pháp GC-FID.	EPA 552.2
14.		Phân tích hàm lượng các hóa chất bảo vệ thực vật (cyanazine, hydroxyatrazine, trifuralin). Phương pháp GC-MS/MS, LC-MS/MS.	NIFC.04.M.021 (GC-MS/MS, LC-MS/MS)

Ghi chú:

- Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải tuân thủ các quy định của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trước khi thực hiện hoạt động thử nghiệm;

- NIFC.xxx: Phương pháp thử nghiệm nội bộ của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia./

Kg

